

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 124 /TTr-SNN ngày 09 tháng 8 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh ngoài quy định tại Điều 40 của Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Đồng thời quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi khác là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm: Đập dâng nước, tràn xả lũ được xây dựng dâng nước trên các sông, suối; hệ thống trạm bơm; hệ thống kênh mương tưới, tiêu có lưu lượng nhỏ hơn 02 m<sup>3</sup>/s chưa được quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi.

2. Vùng phụ cận là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng tiếp giáp công trình thủy lợi, được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

3. Kênh chìm là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

4. Kênh nổi là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp hoặc xây nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

5. Lưu lượng kênh là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyên tải.

6. Đập dâng là đập hoặc tường chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

### **Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác**

1. Đập dâng:

a) Phần thuộc lòng sông, suối: Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu. Đập cấp II tối thiểu là 50 m, đập cấp III tối thiểu là 30 m, đập cấp IV tối thiểu là 20 m. Cấp công trình đập dâng căn cứ theo quy định tại Phụ lục II, Bảng 2 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Phần trên cạn của hai vai đập dâng: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra, tối thiểu là 20 m.

2. Tràn xả lũ:

Vùng phụ cận của tràn xả lũ (bao gồm cả tràn tự do và tràn có cửa van điều tiết): Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc ngoài cùng (đối với tràn kiên cố) và từ mép ngoài cùng của tràn (đối với tràn có kết cấu bằng đất) trở ra mỗi bên tối thiểu 50 m đối với tràn có lưu lượng thiết kế lớn hơn 200 m<sup>3</sup>/s, 30 m đối với tràn có lưu lượng thiết kế từ 20 m<sup>3</sup>/s đến 200 m<sup>3</sup>/s và 10 m đối với tràn có lưu lượng nhỏ hơn 20 m<sup>3</sup>/s.

3. Trạm bơm:

a) Đối với trạm bơm có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Đối với trạm bơm không có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận

được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

4. Kênh tưới, tiêu, cầu máng có lưu lượng nhỏ hơn  $02 \text{ m}^3/\text{s}$ .

a) Đối với kênh nổi, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra (hoặc từ mép ngoài thành cầu máng trở ra) như sau:

Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận từ  $0,5 \text{ m}$  đến  $01 \text{ m}$  đối với kênh đất, từ  $0,3 \text{ m}$  đến  $0,5 \text{ m}$  đối với kênh đã kiên cố, cầu máng;

Kênh có lưu lượng từ  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$  đến dưới  $02 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận từ  $01 \text{ m}$  đến  $02 \text{ m}$  đối với kênh đất, từ  $0,5 \text{ m}$  đến  $01 \text{ m}$  đối với kênh đã kiên cố, cầu máng.

b) Đối với kênh chìm:

Đối với kênh không có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh đối với mặt đất tự nhiên trở ra như sau:

Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận từ  $0,5 \text{ m}$  đến  $01 \text{ m}$  đối với kênh đất, từ  $0,3 \text{ m}$  đến  $0,5 \text{ m}$  đối với kênh đã kiên cố;

Kênh có lưu lượng từ  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$  đến dưới  $02 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận từ  $01 \text{ m}$  đến  $02 \text{ m}$  đối với kênh đất, từ  $0,5 \text{ m}$  đến  $01 \text{ m}$  đối với kênh đã kiên cố;

Đối với kênh chìm có đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường trở ra một khoảng như quy định đối với kênh không có đường quản lý.

5. Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

6. Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo các quy định trên, hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

### **Điều 5. Các trường hợp cấm mốc chỉ giới**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT.

### **Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện Quyết định này và các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác có liên quan.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi lập phương án bảo vệ công trình, tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

## 2. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

## 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

## 4. Sở Tài chính:

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần kinh phí cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

## 5. Sở Công Thương:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong việc xác định phạm vi vùng phụ cận có liên quan đến quy định về hành lang bảo vệ đường dây tải điện.

6. Các sở, ban, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quyết định này.

**Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi, các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi**

### 1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quyết định này trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và người dân được biết để thi hành.

b) Chỉ đạo, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa.

c) Căn cứ vào Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

### 2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quyết định này để nhân dân biết, thực hiện.

b) Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa đối với các công trình nằm trên địa bàn.

c) Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

d) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi, các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi:

a) Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi.

b) Lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ; trực tiếp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và lưu trữ hồ sơ cấm mốc.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố nơi có công trình, rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

d) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý vi phạm; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn quản lý.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2021.
2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 2 Điều 8;
- Vụ pháp chế, Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, KTN, TH, TTTT;
- + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê ô Pích**